TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HS-PT
Ngày: 29/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 254/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Thị L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị T, sinh ngày 03/4/1984 tại Lai Châu. Nơi đăng ký thường trú: số G, đường L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là số G, đường L, phường T, thành phố Cần Thơ); chỗ ở: số E, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là số E, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ); giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 09/12. Con ông Phạm Ngọc L1, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1957; có chồng là Nguyễn Phú T2, sinh năm 1975 (đã ly hôn); con có 01 người, sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị L, sinh ngày 17/02/1971 tại Nghệ An. Nơi đăng ký thường trú: TDP T, phường M, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là tổ dân phố T, phường Q, tỉnh Nghệ An); chỗ ở: số D, đường L, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là số D, đường L, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ); giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 11/12. Con ông Nguyễn Bá M, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950; có chồng là Lê Quang T3, sinh năm 1965 (chết); con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền sự: không.

Tiền án: 01. Ngày 23/8/2012, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội *"Tổ chức đánh bạc"*, chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và tiền chênh lệch phơi đề.

Nhân thân: Ngày 23/7/2022, bị Công an phường T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi mua số lô, số đề theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC, đã chấp hành xong.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L:* Luật sư Nguyễn Hồng N - Chi nhánh Văn phòng L2 tại Cần Thơ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị T:* Luật sư Phạm Ngọc T4 - Chi nhánh Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H và Luật sư Trần Thị Thùy D - Công ty L4, thuộc Đoàn luật sư thành phố C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 23/9/2024, Đội cảnh sát hình sự, kinh tế, ma túy Công an quận B, thành phố Cần Thơ kết hợp với Công an phường T, quận B (nay là phường T) tiến hành mời Phạm Thị T và Nguyễn Thị L làm việc liên quan đến hành vi mua bán số đề ăn thua bằng tiền do có nghi vấn đến hoạt động mua bán số đề.

Tang vật thu giữ: Tiền Việt Nam 5.300.000 đồng (trong đó tạm giữ của Phạm Thị T là 4.500.000 đồng, của Nguyễn Thị L là 800.000 đồng); 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A71 màu đen, số Imei 353408116843853, sim 1 số 0976764219, sim 2 số 0919229934 (do Nguyễn Thị L giao nộp); 01 điện thoại di động Oppo A3S màu tím đen, số Imei 869347036138191, 01 sim số 0976047089 (do Phạm Thị T giao nộp) (Bút lục 146-147).

Quá trình điều tra xác định: Phạm Thị T bắt đầu mua bán số đề ăn thua bằng tiền từ ngày 18/9/2024 đến ngày bị phát hiện và chỉ bán số đề cho Nguyễn Thị L. T sử dụng tài khoản zalo tên "Nguyễn T5" để nhắn tin mua bán số đề cho Liên qua tài khoản zalo "N", T giữ lại để thắng thua với L được 05 ngày. Đến ngày 23/9/2024, T quen người tên P có tài khoản zalo tên "Phat Loc" qua mạng xã hội nhận phơi đề của T. Sau khi nhận phơi đề của L thì T giữ lại một vài con số và mua thêm vài con số rồi giao phơi đề cho "Phat Loc" để hưởng tiền hoa hồng. Thơm bán số đề theo kết quả xổ số kiến thiết các đài Đồng Tháp, Thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau, Phú Yên, Thừa Thiên H, miền B (Thủ đô). Hình thức đánh bạc là số đầu số đuôi, bao lô 02 con số và số đá; tỷ lệ 01 trúng 70 đối với số đầu, số đuôi và bao lô 02 con số, 01 trúng 600 đối với số đá.

Cách tính tiền mua số đề: Thơm chỉ tính cho L5 tổng số tiền mua số đề theo phơi. Sau đó T giữ lại một vài con số, mua thêm vài con số, rồi giao phơi đề cho "Phat Loc", "Phat Loc" chỉ tính tiền là 72% tổng số tiền mua số đầu số đuôi, số bao lô, số đá cho T. Thơm hưởng tiền hoa hồng 3% trên tổng số tiền mua số đề của L giao cho "Phat Loc".

Trong ngày 23/9/2024, L và T chưa thực hiện chung chi tiền thắng thua thì bị phát hiện. Đối với các ngày trước đó, L mua số đề của T nhưng không nhớ rõ số tiền và thắng thua là bao nhiêu. Việc chung chi tiền giữa T và người có tài khoản zalo tên "Phat Loc" thì chủ tài khoản zalo "Phat Loc" có cung cấp thông

tin số tài khoản ngân hàng để T chuyển tiền thắng thua nhưng chưa thực hiện thì bị phát hiện.

Số tiền ghi bán số đề của Phạm Thị T, cụ thể như sau:

- Ngày 23/9/2024, đài Đồng Tháp: Thơm ghi bán số đề cho L số tiền là 7.332.000 đồng, thực tế nhận 75% là 5.499.000 đồng, kết quả xổ số không trúng. Sau khi nhận phơi đề của L thì T giữ lại nhiều con số có số tiền là 216.000 đồng (thực tế 75% là 162.000 đồng), ghi thêm nhiều con số với số tiền là 618.000 đồng (thực tế 72% là 444.960 đồng) để chuyển cho "Phat Loc" số tiền 7.734.000 đồng, thực tế chuyển cho "Phat Loc" 72% là 5.568.480 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của L là 5.499.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của T là 5.730.480 đồng. Thơm hưởng 3% hoa hồng là 160.100 đồng.

- Ngày 23/9/2024, đài Thành phố Hồ Chí Minh: Thơm ghi bán số đề cho L số tiền là 720.000 đồng, thực tế nhận 75% là 540.000 đồng, kết quả xổ số không trúng. Sau khi nhận phơi đề của L thì T giữ lại một con số có số tiền là 18.000 đồng (thực tế 75% là 13.500 đồng), ghi thêm một con số với số tiền là 504.000 đồng (thực tế 72% là 362.880 đồng) để chuyển cho "Phat Loc" số tiền 1.206.000 đồng, thực tế chuyển cho "Phat Loc" 72% là 868.320 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của L là 540.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của T là 881.820 đồng. Thơm hưởng 3% hoa hồng là 15.795 đồng.

+ Ngày 23/9/2024, đài Cà Mau: Thơm ghi bán số đề cho L số tiền là 720.000 đồng, thực tế nhận 75% là 540.000 đồng, kết quả xổ số trúng 1.400.000 đồng. Sau khi nhận phơi đề của L thì T giữ lại một con số có số tiền là 18.000 đồng (thực tế 75% là 13.500 đồng), kết quả trúng 70.000 đồng, ghi thêm một con số với số tiền là 504.000 đồng (thực tế 72% là 362.880 đồng) để chuyển cho "Phat Loc" số tiền 1.206.000 đồng, thực tế chuyển cho "Phat Loc" 72% là 868.320 đồng, kết quả trúng 1.330.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của L là 1.940.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của T là 2.211.820 đồng. Thơm hưởng 3% hoa hồng là 15.795 đồng.

+ Ngày 23/9/2024, đài P1: Thơm ghi bán số đề cho L số tiền là 3.420.000 đồng, thực tế nhận 75% là 2.565.000 đồng, kết quả xổ số không trúng. Sau khi nhận phơi đề của L thì T giữ lại nhiều số có số tiền là 90.000 đồng (thực tế 75% là 67.500 đồng), chuyển cho "Phat Loc" số tiền 3.330.000 đồng, thực tế chuyển cho "Phat Loc" 72% là 2.397.600 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của L là 2.565.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của T là 2.465.100 đồng. Thơm hưởng 3% hoa hồng là 74.925 đồng.

+ Ngày 23/9/2024, đài Thừa Thiên H: Thơm ghi bán số đề cho L số tiền là 3.420.000 đồng, thực tế nhận 75% là 2.565.000 đồng, kết quả xổ số trúng 1.400.000 đồng. Sau khi nhận phơi đề của L thì T giữ lại nhiều số có số tiền là 90.000 đồng (thực tế 75% là 67.500 đồng), kết quả trúng 70.000 đồng, chuyển cho "Phat Loc" số tiền 3.330.000 đồng, thực tế chuyển cho "Phat Loc" 72% là 2.397.600 đồng, kết quả trúng 1.330.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của L là 3.965.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của T là 3.795.100 đồng. Thơm hưởng 3% hoa hồng là 74.925 đồng.

- Ngày 23/9/2024, đài Thủ đô (miền B): Thơm ghi bán số đề cho L số tiền là 10.182.000 đồng, thực tế nhận 75% là 7.636.500 đồng, kết quả xổ số trúng 700.000 đồng. Sau khi nhận phơi đề của L thì T giữ lại một con số có số tiền là 6.210.000 đồng (thực tế 75% là 4.657.500 đồng), ghi thêm một con số với số tiền là 2.970.000 đồng (thực tế 72% là 2.138.400 đồng) để chuyển cho "Phat Loc" số tiền 6.942.000 đồng, thực tế chuyển cho "Phat Loc" 72% là 4.998.240 đồng, kết quả trúng 700.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của L là 8.336.500 đồng, tổng số tiền đánh bạc của T là 10.355.740 đồng. Thơm hưởng 3% hoa hồng là 89.370 đồng.

Đối với người đứng tên tài khoản Zalo "Phat Loc" mà Phạm Thị T chuyển phơi đề, qua xác minh thông tin tài khoản ngân hàng tên Nguyễn Thị D1 nhưng qua làm việc chưa đủ cơ sở xác định có liên quan đến việc mua bán số đề của Phạm Thị T. Cơ quan điều tra đã yêu cầu Công ty Cổ phần V cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản Zalo tên "Phat Loc" nhưng chưa có kết quả, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại bản án hình sự số 30/2025/HS - ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Thị L phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị T 01 (một) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 15/9/2025 bị cáo Phạm Thị T và bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thị T thay đổi kháng cáo từ kháng cáo xin được hưởng án treo sang hình phạt cải tạo không giam giữ với lý do bị cáo đang nuôi con ăn học, đang chăm sóc cha mẹ già, bị cáo đang mắc bệnh u xơ, hở van tim, sỏi thận, bị cáo đã nộp đủ tiền thu lợi bất chính theo bản án sơ thẩm, bị cáo có công đóng góp cho hoạt động xây dựng đường ở địa phương.

Bị cáo Nguyễn Thị L thay đổi kháng cáo từ kháng cáo xin được hưởng án treo sang hình phạt cải tạo không giam giữ với lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn chồng chết, đang nuôi con ăn học, đang nuôi cha mẹ già, gia đình có công với Cách mạng.

Người bào chữa cho bị cáo T - Luật sư Nguyễn Thị Thùy D2 trình bày quan điểm: Thống nhất về tội danh nhưng hình phạt áp dụng đối với bị cáo là quá nặng nên xin áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội mang tính tự phát, số tiền bị cáo đánh bạc không lớn, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã nghiêm túc chấp hành quy định pháp luật khi tự giác nộp số tiền thu lợi bất chính, đã khắc phục hậu quả nên đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nộp xác nhận cha mẹ là người có công với Cách mạng, mẹ có xác nhận của Ủy ban về chính sách, bị cáo đang bị bệnh cần điều trị thường xuyên, nếu bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì sẽ khó khăn không thể tiếp tục chăm sóc cha mẹ già nên đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết trên theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ Điều 36 Bộ luật hình sự, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ vẫn đảm bảo đủ tính răn đe và giáo dục cho bị cáo, từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo được hưởng tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T - Luật sư Phạm Ngọc T4 trình bày quan điểm: Thống nhất ý kiến của Luật sư đồng nghiệp về đề nghị xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt, có chỗ ở ổn định rõ ràng. Mặc dù bị cáo có 02 anh chị em nhưng bị cáo là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ già, bị cáo cũng có nhiều bệnh đang phải điều trị nên đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo L – Luật sư Nguyễn Hồng N trình bày quan điểm: Thống nhất về tội danh và quan điểm truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt đối với bị cáo là quá nặng. Về tính chất, mức độ phạm tội bị cáo chỉ là người mua số đề, lệ thuộc vào bị cáo T, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu. Bị cáo phạm tội nhất thời, hành vi phạm tội trong thời gian ngắn (chỉ 05 ngày), ngày bị phát hiện chưa thực hiện chung chi nên mức độ hậu quả của hành vi của bị cáo là chưa cao. Số tiền bị cáo đánh bạc được xác định là hơn 22 triệu nhưng cần đánh giá trên số tiền thực tế. Cần đánh giá bị cáo tham gia với mức độ thấp hơn bị cáo T. Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha mẹ bị cáo L là người có công với Cách mạng, bị cáo có nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo tham gia không mang tính chuyên nghiệp chỉ là bộc phát, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Từ những vấn đề trên, đề nghị xem xét áp dụng mức án thấp nhất khung hình phạt đối với bị cáo đồng thời chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo đúng quy định. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là tương xứng đối với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo thay đổi yêu cầu kháng

cáo từ xin được hưởng án treo sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Xét thấy, các bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung thêm tình tiết nào mới để làm căn cứ xem xét, bên cạnh đó lý do mà các bị cáo nêu trong đơn kháng cáo đã được xem xét ở cấp sơ thẩm, do đó đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 18/9/2024, bị cáo T bắt đầu bán số đề cho bị cáo Liên thông Q ứng dụng Zalo. T đóng vai trò trung gian khi vừa tự thắng thua với L, vừa chuyển phơi đề cho một đối tượng khác tên "Phat Loc" để hưởng 03% tiền hoa hồng. Vào ngày 23/9/2024, hành vi của các bị cáo bị cơ quan chức năng phát hiện với tổng số tiền đánh bạc của bị cáo L là 22.845.500 đồng và bị cáo T là 22.079.460 đồng. Với hành vi nêu trên, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và là một trong những nguyên nhân tiềm tàng phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội nguy hiểm khác. Mặc dù, bản thân các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi đánh bạc của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả mà thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Bên cạnh đó, bị cáo L đã từng có 01 tiền án về tội Tổ chức đánh bạc, lẽ ra phải tự lấy đó làm bài học, chấp hành đúng pháp luật, nhưng nay bị cáo tiếp tục vi phạm, nên cần có mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[4.1] Đối với bị cáo T: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như sau:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Đối với bị cáo L: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như sau:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ hai lần trở lên và tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo L có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có người thân trong gia đình có công với cách mạng nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Tại giai đoạn phúc thẩm: Bị cáo T có cung cấp thêm giấy xác nhận quá trình công tác của đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh Bảo vệ tổ quốc làm nhiệm vụ sau ngày 30/4/1975 của bà Phạm Thị T1 có mộc của Công ty TNHH C1 do phó giám đốc Đào Văn K ký tên, không có xác nhận chính quyền địa phương nên không có căn cứ xác định được bà T1 có công Cách mạng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã nộp số tiền thu lợi bất chính và tiền án phí sơ thẩm là 1.509.120 đồng theo biên lai thu số 0002376 ngày 24 tháng 12 năm 2025 nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L không cung cấp thêm chứng cứ nào mới. Bên cạnh đó, các tình tiết mà các bị cáo trình bày tại phiên tòa đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng.

[4.4] Xét thấy, khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo theo đúng quy định. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và bị cáo T.

Đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo là phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị T, Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2025/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

1. Tuyên bố: các bị cáo **Phạm Thị T** và **Nguyễn Thị L** phạm tội "Đánh bạc".

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị T** 01 (một) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Tiếp tục giữ lại số tiền 1.509.120 đồng bị cáo T nộp theo biên lai thu số 0002376 ngày 24 tháng 12 năm 2025 để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1-TANDTC;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND KV2 – Cần Thơ;
- VKSND KV2 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV2 – TP. Cần Thơ;
- CQ CSĐT Công an TP. Cần Thơ;
- Phòng HSNV Công an TP. Cần Thơ;
- CQ THAHS Công an TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Quốc